**Bài 40: QUẦN XÃ SINH VẬT VÀ CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QUẦN XÃ**

1. **KHÁI NIỆM**

Ví dụ:

1. **CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QUẦN XÃ**
2. **Thành phần loài trong quần xã (tính đa dạng của quần xã)**

* Độ đa dạng của quần xã:
* Độ đa dạng

1. ***Số lượng các nhóm loài***: Dựa vào vai trò và số lượng của các nhóm loài trong quần xã mà phân thành loài ưu thế hay loài đặc trưng.

* Loài ưu thế:

Ví dụ:

* Loài đặc trưng:
* Ví dụ:

1. ***Chức năng của các nhóm loài***:
2. **Sự phân bố của các loài trong không gian:**

* Phân bố theo chiều thẳng đứng:
* Phân bố theo chiều ngang:

1. **QUAN HỆ GIỮA CÁC LOÀI TRONG QUẦN XÃ**
2. **Hiện tượng khống chế sinh học**

* Khái niệm:
* Ý nghĩa:
* Ví dụ:

1. **Các mối quan hệ sinh thái**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | Đặc điểm | Ví dụ |
| Hỗ trợ | Cộng sinh |  |  |
| Hợp tác |  |  |
| Hội sinh |  |  |
| Đối kháng | Cạnh tranh |  |  |
| Kí sinh |  |  |
| Ức chế cảm nhiễm |  |  |
| Sinh vật này ăn sinh vật khác |  |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*Hết\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Bài 41: DIỄN THẾ SINH THÁI**

1. **KHÁI NIỆM DIỄN THẾ**

***Mỗi diễn thế đều trải qua 3 giai đoạn:***

* Giai đoạn khởi đầu (hệ sinh vật khởi đầu)
* Gia đoạn trung gian (hệ sinh vật trung gian)
* Giai đoạn cuối cùng (đỉnh cực) => hệ sinh vật tương đối ổn định

1. **NGUYÊN NHÂN GÂY RA DIỄN THẾ**

* ***Nguyên nhân bên ngoài:***

* ***Nguyên nhân bên trong:***

1. **CÁC LOẠI DIỄN THẾ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại diễn thế | Các giai đoạn của diễn thế sinh thái | | | Nguyên nhân gây ra diễn thế |
| Giai đoạn khởi đầu | Giai đoạn giữa | Giai đoạn cuối |
| Diễn thế nguyên sinh |  |  |  |  |
| Diễn thế thứ sinh |  |  |  |  |

1. **TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU DIỄN THẾ SINH THÁI**

**Chúc các em học tốt**